BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Tên chương trình (tiếng Anh): **BUSINESS ADMINISTRATION**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8340101

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Quản trị kinh doanh

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 221 /QĐ-DCT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): QUẢN TRỊ KINH DOANH

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): BUSINESS ADMINISTRATION

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Mã ngành đào tạo: 8340101

Khối ngành: III

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh giúp học viên nắm vững lý thuyết Quản trị kinh doanh hiện đại, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm như:

a. Kiến thức

Vận dụng được các quy luật triết học, nguyên lý kinh tế, nguyên tắc vận hành hệ thống hiện đại và kiến thức liên ngành vào hoạt động nghiên cứu và phát triển năng lực chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và xu hướng mở cửa hội nhập

b. Kỹ năng

Phối hợp được các kỹ năng để phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của tổ chức,

doanh nghiệp trên cả phương diện nghiên cứu và trực tiếp sản xuất kinh doanh; đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Độc lập, chủ động, sáng tạo để tìm tòi ra những sáng kiến nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp; ý thức được trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân trong phát triển năng lực bản thân, xây dựng tập thể và phát triển cộng đồng.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, học viên có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

2.1. Chuẩn đầu ra cho chương trình theo định hướng ứng dụng

KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
a	**Kiến thức**	**5**
PLO1-UD	***Vận dụng được những quy luật triết học, kinh tế và vận hành hệ thống hiện đại vào thực tế tại các tổ chức***	***5***
PLO1.1-UD	**Áp dụng** được các quy luật khách quan trong triết học vào thực tế vận hành tổ chức.	3
PLO1.2-UD	**Phân tích** được các chính sách kinh tế của Nhà nước và **liên hệ** các hiện tượng biến động kinh tế trong nền kinh tế mở vào giải quyết các nghiệp vụ kinh doanh	4
PLO1.3-UD	**Thiết kế** được mô hình quản trị tổ chức hiệu quả và **xây dựng** được mô hình kinh doanh theo hướng hiện đại	5
PLO2-UD	***Áp dụng các kiến thức liên ngành vào xử lý những tình huống cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh***	***3***
PLO2.1-UD	**Áp dụng** được những nguyên lý khoa học vào hoạt động nghiên cứu và phát triển năng lực chuyên môn	3
PLO2.2-UD	**Áp dụng** được kiến thức pháp luật hiện hành vào quá trình kinh doanh	3
PLO2.3-UD	**Áp dụng** những kiến thức về xã hội học, toán học, công nghệ thông tin để phân tích các dữ liệu làm cơ sở cho việc ra quyết định quản trị kinh doanh	3
PLO3-UD	***Đánh giá thực trạng và xử lý những tình huống phát sinh cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho tổ chức, doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và xu hướng mở cửa hội nhập***	***5***
PLO3.1-UD	**Phân tích** chính xác thực trạng và **lựa chọn** được giải pháp hiệu quả cho các hoạt động quản trị chuyên sâu: quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị sản xuất và dịch vu, quản trị marketing và quản trị chiến lược.	4

KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
PLO3.2-UD	**Xây dựng** được môi trường văn hoá phù hợp cho doanh nghiệp hoặc **thiết lập** được cách thức vận hành tổ chức trong môi trường đa văn hoá	5
PLO3.3-UD	**Phân tích** được tính khả thi của các phương án đầu tư trong kinh doanh	4
PLO3.4-UD	**Phác thảo** được kế hoạch kinh doanh hiệu quả với các hình thái hoạt động khác nhau; **tổ chức** được kế hoạch chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp, **lựa chọn được** phong cách nhà quản trị phù hợp với từng môi trường làm việc	4
PLO3.5-UD	**Phác thảo** được cách thức triển khai các nghiệp vụ quản trị hiệu quả, như: quản trị chất lượng, quản trị tài sản trí tuệ, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị được rủi ro hoặc sự thay đổi của doanh nghiệp khi môi trường có biến động	4
b	**Kỹ năng**	5
PLO4-UD	***Áp dụng thành thạo các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra biện pháp xử lý tình huống phát sinh trong quá trình hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp***	***4***
PLO4.1-UD	**Áp dụng chính xác** các công thức tính toán tối đa hoá lợi ích trong sản xuất và tiêu dùng	3
PLO4.2-UD	**Phối hợp được** các nguyên tắc quản trị và lý thuyết kinh doanh hiện đại để đưa ra những ý tưởng kinh doanh hiệu quả trong nền kinh tế thị trường mở, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	4
PLO4.3-UD	**Áp dụng thành thạo** phương pháp phân tích cung cầu thị trường các yếu tố sản xuất và hàng hoá từ đó đưa ra các chiến lược trong quản trị nguồn nhân lực, tài chính, sản xuất và dịch vụ, marketing sản phẩm, đầu tư	4
PLO4.4-UD	**Phối hợp được** các phương pháp, công cụ kỹ thuật trong việc tính toán các dữ liệu để đề ra biện pháp ứng phó với những biến động và thiết lập được môi trường làm việc hiệu quả cho tổ chức, doanh nghiệp	4
PLO4.5-UD	**Đáp ứng được** nhiệm vụ xử lý tình huống phát sinh trong quá trình vận hành tổ chức, doanh nghiệp mang lại hiệu quả thiết thực	4
PLO5-UD	***Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác***	***4***
PLO5.1-UD	**Áp dụng thành thạo** các kỹ năng giao tiếp và truyền đạt ý tưởng	4
PLO5.2-UD	**Áp dụng thành thạo** kỹ năng làm việc theo nhóm và thiết lập nhóm làm việc hiệu quả	4

KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
PLO6-UD	***Kết hợp các kỹ năng đã học để xử lý những nghiệp vụ quản trị đặc thù***	***5***
PLO6.1-UD	**Thiết kế được** quy trình tái cấu trúc doanh nghiệp và các bước để thiết lập được hình ảnh một nhà lãnh đạo hiệu quả	5
PLO6.2-UD	**Áp dụng thành thạo** nguyên tắc quản trị chất lượng, thương hiệu, chuỗi cung ứng khi tổ chức hoạt động kinh doanh trong và ngoài nước	4
PLO6.3-UD	**Áp dụng thành thạo** các biện pháp phòng chống rủ ro, tạo sự ổn định trong hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường	4
PLO7-UD	***Áp dụng thành thạo kỹ thuật sử dụng các công nghệ vào thực hiện các nghiệp vụ quản trị***	***4***
PLO7.1-UD	**Áp dụng thành thạo** các phần mềm xử lý số liệu phục vụ nghiên cứu chuyên ngành	4
PLO7.2-UD	**Phối hợp được** các kỹ năng quản trị theo từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhà quản trị	4
PLO8-UD	***(ab) Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam***	***4***
PLO8.1-UD	**Áp dụng thành thạo** kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng ngoài ngữ lựa chọn.	4
PLO8.2-UD	**Áp dụng thành thạo** các kỹ năng ngoại ngữ trong giao tiếp với đối tác nước ngoài và xử lý các nghiệp vụ kinh doanh với đối tác nước ngoài	4
c	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm**	5
PLO9-UD	***Tạo ra những quy trình phù hợp trong triển khai các hoạt động nghiệp vụ***	***5***
PLO9.1-UD	**Xác định đúng** về năng lực của bản thân.	3
PLO9.2-UD	**Xây dựng được kế hoạch** ứng phó với áp lực và thử thách trong công việc	5
PLO10-UD	***Xác định được định hướng cho bản thân và và hướng dẫn người khác***	***3***
PLO10.1-UD	**Làm đúng** các quy định của pháp luật, tổ chức, tập thể và nhóm làm việc	3
PLO10.2-UD	**Làm đúng** các bước trong quy trình hướng dẫn người khác thực hiện công việc, nhiệm vụ	3

KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
PLO11-UD	***Áp dụng được các kỹ năng đã học để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả***	***4***
PLO11.1-UD	**Kiểm tra được** mức độ chính xác trong thực hiện một số quy trình	4
PLO12-UD	***Xây dựng được quy trình quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn***	***5***
PLO12.1-UD	**Xây dựng** được kế hoạch công việc chuyên môn cho bản thân và cho nhóm làm việc	5
PLO12.2-UD	**Xây dựng được** cách thức khai thác, sử dụng các nguồn lực phù hợp với yêu cầu công việc, xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh trong giới hạn trách nhiệm phụ trách	5
PLO12.3-UD	**Đánh giá được** hiệu quả, hiệu suất quá trình triển khai kế hoạch thực hiện công việc của bản thân và nhóm làm việc	5

2.2. Chuẩn đầu ra cho chương trình theo định hướng nghiên cứu

KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
a	**Kiến thức**	**5**
PLO1-NC	***Vận dụng được những quy luật triết học, kinh tế và vận hành hệ thống hiện đại vào thực tế tại các tổ chức***	***5***
PLO1.1-NC	**Áp dụng** được các quy luật khách quan trong triết học vào thực tế vận hành tổ chức.	3
PLO1.2-NC	**Phân tích** được các chính sách kinh tế của Nhà nước và **liên hệ** các hiện tượng biến động kinh tế trong nền kinh tế mở vào giải quyết các nghiệp vụ kinh doanh	4
PLO1.3-NC	**Thiết kế** được mô hình quản trị tổ chức hiệu quả và **xây dựng** được mô hình kinh doanh theo hướng hiện đại	5
PLO2-NC	***Áp dụng các kiến thức liên ngành vào hoạt động nghiên cứu và phát triển năng lực chuyên môn***	***3***
PLO2.1-NC	**Áp dụng** được những nguyên lý khoa học vào hoạt động nghiên cứu và phát triển năng lực chuyên môn	3
PLO2.2-NC	**Áp dụng** được kiến thức pháp luật hiện hành vào quá trình kinh doanh	3
PLO3-NC	***Đánh giá thực trạng để đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và xu hướng mở cửa hội nhập***	***5***

KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
PLO3.1-NC	**Phân tích** chính xác thực trạng và **lựa chọn** được giải pháp hiệu quả cho các hoạt động quản trị chuyên sâu: quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị sản xuất và dịch vụ, quản trị marketing và quản trị chiến lược.	4
PLO3.2-NC	**Xây dựng** được môi trường văn hoá phù hợp cho doanh nghiệp hoặc **thiết lập** được cách thức vận hành tổ chức trong môi trường đa văn hoá	5
PLO3.3-NC	**Phân tích** được tính khả thi của các phương án đầu tư trong kinh doanh	4
PLO3.4-NC	**Thiết kế** được các ý tưởng mô hình quản trị chuyên biệt mang lại hiệu quả cao	5
b	**Kỹ năng**	4
PLO4-NC	***Phối hợp được các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra nguyên lý giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp***	***4***
PLO4.1-NC	**Áp dụng chính xác** các công thức tính toán tối đa hoá lợi ích trong sản xuất và tiêu dùng	3
PLO4.2-NC	**Phối hợp được** các nguyên tắc quản trị và lý thuyết kinh doanh hiện đại để đưa ra những ý tưởng kinh doanh hiệu quả trong nền kinh tế thị trường mở, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành	4
PLO4.3-NC	**Áp dụng thành thạo** phương pháp phân tích cung cầu thị trường các yếu tố sản xuất và hàng hoá từ đó đưa ra các chiến lược trong quản trị nguồn nhân lực, tài chính, sản xuất và dịch vụ, marketing sản phẩm, đầu tư	4
PLO4.4-NC	**Phối hợp được** các phương pháp, công cụ kỹ thuật trong việc tính toán các dữ liệu để đề ra biện pháp ứng phó với những biến động và thiết lập được môi trường làm việc hiệu quả cho tổ chức, doanh nghiệp	4
PLO4.5-NC	**Thiết lập** được các nguyên tắc vận hành tổ chức, doanh nghiệp hoạt động mang lại hiệu quả cao	4
PLO5-NC	***Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác***	***4***
PLO5.1-NC	**Áp dụng thành thạo** các kỹ năng giao tiếp và truyền đạt ý tưởng	4
PLO5.2-NC	**Áp dụng thành thạo** kỹ năng làm việc theo nhóm và thiết lập nhóm làm việc hiệu quả	4
PLO6-NC	***Kết hợp các kỹ năng đã học để tạo ra những sản phẩm nghiên cứu mới thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh***	***4***

KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
PLO6.1-NC	**Áp dụng thành thạo** quy trình tổ chức nghiên cứu hiệu quả để tạo ra những sáng kiến nhằm cải tiến cách thức hoạt động kinh doanh	4
PLO7-NC	***Áp dụng thành thạo kỹ thuật sử dụng các công nghệ hiện đại trong lĩnh vực học thuật***	***4***
PLO7.1-NC	**Áp dụng thành thạo** các phần mềm xử lý số liệu phục vụ nghiên cứu chuyên ngành	4
PLO8-NC	***Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam***	***4***
PLO8.1-NC	**Áp dụng thành thạo** kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng ngoài ngữ lựa chọn.	4
PLO8.2-NC	**Áp dụng thành thạo** các kỹ năng ngoại ngữ trong trao đổi học thuật với người nước ngoài và trình bày các sản phẩm nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh.	4
c	**Mức độ tự chủ và trách nhiệm**	5
PLO9-NC	***Tạo ra được những sáng kiến nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp***	***5***
PLO9.1-NC	**Xác định đúng** về năng lực của bản thân.	3
PLO9.2-NC	**Xây dựng được kế hoạch** ứng phó với áp lực và thử thách trong công việc	5
PLO9.3-NC	**Tạo ra được** ý tưởng mới có tính đột phá trong vận hành tổ chức và thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh	5
PLO10-NC	***Xác định được định hướng cho bản thân và và hướng dẫn người khác***	***3***
PLO10.1-NC	**Làm đúng** các quy định của pháp luật, tổ chức, tập thể và nhóm làm việc	3
PLO10.2-NC	**Làm đúng** các bước trong quy trình hướng dẫn người khác thực hiện công việc, nhiệm vụ	3
PLO11-NC	***Áp dụng được các kỹ năng đã học để đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị kinh doanh***	***4***
PLO11.1-NC	**Phân tích được** bản chất của sự vật, hiện tượng một cách khách quan và luôn công tâm trong việc nhận xét, đánh giá	4
PLO12-NC	***Xây dựng được quy trình quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn***	***5***

KÝ HIỆU	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
PLO12.1-NC	**Xây dựng** được kế hoạch công việc chuyên môn cho bản thân và cho nhóm làm việc	5
PLO12.2-NC	**Xây dựng được** cách thức khai thác, sử dụng các nguồn lực phù hợp với yêu cầu công việc, xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh trong giới hạn trách nhiệm phụ trách	5
PLO12.3-NC	**Đánh giá được** các công trình khoa học ở cấp trình độ nhất định; **đánh giá được** hiệu quả, hiệu suất quá trình triển khai kế hoạch thực hiện công việc của bản thân và nhóm làm việc	5

2.3. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra (chương trình theo định hướng ứng dụng)

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO-UD)											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I		***Khối kiến thức chung***													
1	0310100409	11100012	Triết học	1.1(3)	2.1(3)			5.1(3)						11.1(3)	
II		***Khối kiến thức chuyên ngành***													
II.1		*Môn bắt buộc*													
2	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao	1.2(4)			4.1(3)					9.1(3)			
3	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại	1.3(5)			4.4(4)					9.3(4)			
4	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo		2.1(3)			5.2(4)	6.1(4)				10.2(3)	11.1(4)	
5	0310101548	13100004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh		2.1(3)		4.4(4)		6.1(5)						12.1(5)
II.2		*Môn tự chọn*													
6	0310100556	13100005	Kinh tế phát triển	1.2(4)			4.1(3)					9.3(3)			
7	0310101549	13100006	Kinh tế quốc tế	1.2(4)			4.1(3)					9.3(3)			
8	0310100576	13100007	Văn hoá doanh nghiệp			3.2(5)	4.4(4)					9.2(4)			
9	0310101552	13100008	Quản trị đa văn hoá			3.2(5)	4.4(4)					9.2(4)			
10	0310101550	11100010	Luật thương mại thương mại quốc tế		2.2(3)		4.2(4)						10.1(3)		
11	0310101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam		2.2(3)		4.2(4)						10.1(3)		
III		***Khối kiến thức chuyên sâu***													
III.1		*Môn bắt buộc*													
12	0310101553	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao			3.1(4)	4.5(4)	5.1(4)							12.2(4)
13	0310101554	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính			3.1(4)	4.2(4)							11.1(4)	

14	0310101555	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ			3.1(4)	4.1(3)									12.2(4)
15	0310101556	13100012	Quản trị marketing hiện đại			3.1(4)	4.2(4)									12.2(4)
16	0310101557	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao			3.1(4)	4.3(4)									12.2(4)
17	0310100575	13102021	Tái cấu trúc doanh nghiệp			3.4(4)			6.1(5)					11.1(4)		
18	0310101558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu			3.5(4)			6.2(4)							12.2(4)
19	0310101559	13102023	Quản lý công			3.5(4)	4.5(4)						10.1(3)			
20	0310101560	13102024	Quản trị chất lượng nâng cao			3.5(4)			6.2(4)					11.1(4)		
21	0310100570	13102025	Quản trị sự thay đổi			3.5(4)	4.5(4)					9.2(4)				12.2(5)
III.2		*Môn tự chọn*														
22	0310101561	13102014	Thẩm định dự án đầu tư			3.3(4)	4.3(4)						10.2(3)			
23	0310101562	13102015	Đầu tư quốc tế			3.3(4)	4.3(4)						10.2(3)			
24	0310101563	13102026	Kinh tế lượng		2.3(3)					7.2(4)				11.1(4)		
25	0310101564	13102027	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh		2.3(3)					7.2(4)				11.1(4)		
26	0310101565	13102028	Quản trị khởi nghiệp			3.5(4)			6.3(4)							12.3(5)
27	0310100566	13102029	Quản trị rủi ro			3.5(4)			6.3(4)							12.3(5)
IV		***Thực tập***														
28	0310101566	13104030	Thực tập (ứng dụng)			3.2(4)						9.1(3)				12.3(4)
V		***Báo cáo chuyên đề***														
VI		***Báo cáo/dự án tốt nghiệp***														
29	0310101567	13106031	*Báo cáo/dự án tốt nghiệp*			3.4(4)				7.1(4)		9.3(5)				
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng				4	10	21	19	6	10	4	0	8	8	9	15	

2.4. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra (chương trình theo định hướng nghiên cứu)

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Chuẩn đầu ra (PLO-UD)											
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I		***Khối kiến thức chung***													
1	0310100409	11100012	Triết học	1.1(3)	2.1(3)			5.1(3)						11.1(3)	
II		***Khối kiến thức chuyên ngành***													
II.1		*Môn bắt buộc*													
2	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao	1.2(4)			4.1(3)					9.1(3)			
3	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại	1.3(5)			4.4(4)					9.3(4)			
4	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo		2.1(3)			5.2(4)					10.2(3)	11.1(4)	
5	0310101548	13100004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh		2.1(3)		4.4(4)		6.1(4)						12.1(5)
II.2		*Môn tự chọn*													
6	0310100556	13100005	Kinh tế phát triển	1.2(4)			4.1(3)					9.3(3)			
7	0310101549	13100006	Kinh tế quốc tế	1.2(4)			4.1(3)					9.3(3)			
8	0310100576	13100007	Văn hoá doanh nghiệp			3.2(5)	4.4(4)					9.2(4)			
9	0310101552	13100008	Quản trị đa văn hoá			3.2(5)	4.4(4)					9.2(4)			
10	0310101550	11100010	Luật thương mại thương mại quốc tế		2.2(3)		4.2(4)						10.1(3)		
11	0310101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam		2.2(3)		4.2(4)						10.1(3)		
III		***Khối kiếnthức chuyên sâu***													
III.1		*Môn bắt buộc*													
12	0310101553	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao			3.1(4)	4.5(4)	5.1(4)							12.2(4)

13	0310101554	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính			3.1(4)	4.2(4)							11.1(4)		
14	0310101555	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ			3.1(4)	4.1(3)									12.2(4)
15	0310101556	13100012	Quản trị marketing hiện đại			3.1(4)	4.2(4)									12.2(4)
16	0310101557	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao			3.1(4)	4.3(4)									12.2(4)
III.2		*Môn tự chọn*														
17	0310101561	13102014	Thẩm định dự án đầu tư			3.3(4)	4.3(4)						10.2(3)			
18	0310101562	13102015	Đầu tư quốc tế			3.3(4)	4.3(4)						10.2(3)			
IV		***Thực tập***														
19	0310101568	13104016	Thực tập (nghiên cứu)			3.2(4)						9.1(3)				12.3(4)
V		***Báo cáo chuyên đề***														
20	0310101569	13107017	Chuyên đề nghiên cứu 1 (Nghiên cứu tổng quan và cơ sở lý luận)		2.1(3)		4.2(3)									12.3(4)
21	0310101570	13107018	Chuyên đề nghiên cứu 2 (Phương pháp nghiên cứu)		2.1(3)					7.1(4)						12.3(4)
22	0310101571	13107019	Chuyên đề nghiên cứu 3 (Nghiên cứu thực trạng)	1.3(4)						7.1(4)						12.3(5)
VI		***Luận văn***														
23	0310101572	13106020	*Luận văn*			3.4(5)				7.1(4)		9.3(5)				
Số lượng học phần đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu				6	7	11	17	3	1	3	0	8	5	3	9	

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Kiến thức chung	4 tín chỉ	6,7%
2	Kiến thức chuyên ngành	14 tín chỉ	23,3%
3	Kiến thức chuyên sâu	27 tín chỉ	45%
4	Thực tập	06 tín chỉ	10%
5	Báo cáo/dự án tốt nghiệp	09 tín chỉ	15%
	Tổng	**60 tín chỉ**	**100**

3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Kiến thức chung	4 tín chỉ	6,7%
2	Kiến thức chuyên ngành	14 tín chỉ	23,3%
3	Kiến thức chuyên sâu	12 tín chỉ	20%
4	Thực tập	03 tín chỉ	5%
5	Báo cáo, chuyên đề nghiên cứu	12 tín chỉ	20%
6	Luận văn	15 tín chỉ	25%
	Tổng	**60 tín chỉ**	**100**

4. Đối tượng tuyển sinh

4.1. Điều kiện dự tuyển

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ đáp ứng được điều kiện sau:

a) Về văn bằng

- Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành quản trị kinh doanh

- Đã tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành quản trị kinh doanh và đã học bổ sung kiến thức theo quy định

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Việt Nam;

b) Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

- Người có bằng tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành, ngành phù hợp với ngành quản trị kinh doanh dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 (một) năm kinh nghiệm làm việc

trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi, kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi mới được đăng ký dự thi.

c) Về lý lịch

Rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

d) Về sức khỏe

Có đủ sức khỏe học tập theo Quy định số 10/TT-LB ngày 18/08/2003 và Công văn hướng dẫn số 2445/TS ngày 20/08/1990 của Bộ giáo dục và đào tạo.

4.2. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực I (theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành). Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương thuộc Khu vực I;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

b) Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

4.3. Danh mục các ngành gần và các môn học bổ sung kiến thức

4.3.1. Danh mục các ngành gần

Bao gồm các ngành thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý (mã 734) trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học được ban hành theo Thông tư

24/2017/TT-BDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

- Ngành Marketing
- Ngành Bất động sản
- Ngành Kinh doanh quốc tế
- Ngành Kinh doanh thương mại
- Ngành Thương mại điện tử
- Ngành Kinh doanh thời trang và dệt may
- Ngành Tài chính - Ngân hàng
- Ngành Bảo hiểm
- Ngành Kế toán
- Ngành Kiểm toán
- Ngành Khoa học quản lý
- Ngành Quản lý công
- Ngành Quản trị nhân lực/ Quản lý nguồn nhân lực
- Ngành Hệ thống thông tin quản lý
- Ngành Quản trị văn phòng
- Ngành Quan hệ lao động
- Ngành Quản lý dự án

4.3.2. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức

- Danh mục các môn học bổ sung, được miễn đối với chuyên ngành gần:

STT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nhân sự; Quản trị nguồn nhân lực	2
2	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	2
3	Quản trị vận hành	Quản trị sản xuất; Quản trị sản xuất - dịch vụ	2
4	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng	2
Tổng			**8**

- Danh mục các môn học bổ sung, môn học được miễn đối với người có bằng đại học ngành khác:

TT	Môn học bổ sung	Môn đã học được miễn bổ sung	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	Kinh tế vi mô, Kinh tế học, Kinh tế và Quản lý	2
2	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô; Kinh tế học	2
3	Marketing căn bản	Marketing căn bản, Marketing	2
4	Quản trị học	Quản trị học, Nhập môn Quản trị; Quản trị doanh nghiệp	2
5	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán; Lý thuyết kế toán	2
6	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Tài chính - tiền tệ; Lý thuyết tài chính-tiền tệ	2
7	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nhân sự; Quản trị nguồn nhân lực	2
8	Quản trị chiến lược	Quản trị chiến lược	2
9	Quản trị vận hành	Quản trị sản xuất; Quản trị sản xuất - dịch vụ	2
10	Quản trị bán hàng	Quản trị bán hàng	2
Tổng			**20**

4.4. Hình thức thi tuyển, xét tuyển

4.4.1. Thi tuyển

a) Các môn thi tuyển đầu vào gồm:

- Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Môn thi cơ sở ngành: Kinh tế học

- Môn thi chuyên ngành: Quản trị học

b) Điều kiện miễn thi ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh;

- Có chứng chỉ ngoại theo bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5

năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ***(theo các bảng tại mục 2.1.2)***.

4.4.2. Xét tuyển

Điều kiện xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh quyết định và sẽ được thông báo khi tuyển sinh.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1. Quy trình đào tạo

Quá trình tổ chức đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Nhà trường. Quy trình đào tạo được thực hiện theo sơ đồ sau:

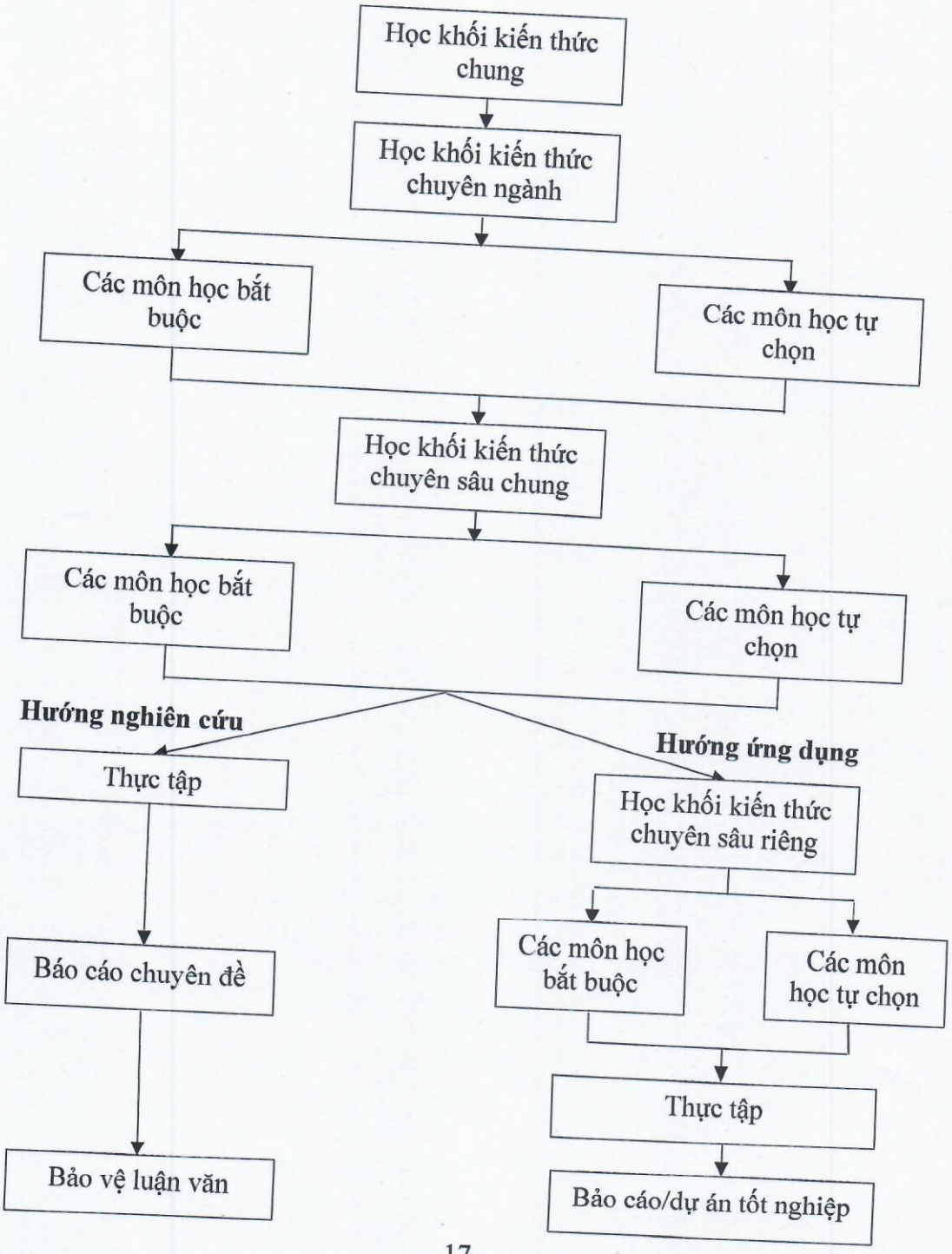

Sơ đồ: Quy trình đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Bảng: Quy trình đào tạo theo các học kỳ

STT	Nội dung	Học kỳ	Ghi chú
I	***Hướng nghiên cứu***		
1	Khối kiến thức chung	1	Thực hiện trong 1 học kỳ
2	Khối kiến thức chuyên ngành	1, 2	Thực hiện trong 2 học kỳ
3	Khối kiến thức chuyên sâu	2, 3	Thực hiện trong 2 học kỳ
4	Thực tập	3	Thực hiện trong 1 học kỳ
5	Báo cáo chuyên đề	3, 4	Thực hiện trong 2 học kỳ
6	Luận văn	4	Thực hiện trong 1 học kỳ
II	***Hướng ứng dụng***		
1	Khối kiến thức chung	1	Thực hiện trong 1 học kỳ
2	Khối kiến thức chuyên ngành	1, 2	Thực hiện trong 2 học kỳ
3	Khối kiến thức chuyên sâu	2, 3, 4	Thực hiện trong 3 học kỳ
4	Thực tập	4	Thực hiện trong 1 học kỳ
5	Báo cáo/dự án tốt nghiệp	4	Thực hiện trong 1 học kỳ

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp phải đủ các điều kiện cơ bản sau:

- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ: TOEIC 450 hoặc tương đương;
- Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Hoàn thành số tín chỉ tích lũy theo chương trình (60 tín chỉ).
- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí và các loại phí theo quy định của nhà trường.

5.2.1. Điều kiện ngoại ngữ, tin học

a) Về năng lực ngoại ngữ:

Học viên phải có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3/6 hoặc tương đương, quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (kèm theo bảng tham chiếu các chứng chỉ tương đương).

Tham chiếu chuẩn Tiếng Anh:

Khung năng lực ngoại ngữ VN	Khung Châu Âu (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS
3/6	B1	4.5	450 PBT/ITP 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Premilinary	40

Một số ngoại ngữ khác:

Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
TRKI 1	DELF B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

b) Về năng lực Công nghệ thông tin:

Học viên phải có trình độ công nghệ thông tin tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5.2.2. Luận văn

a) Đề tài luận văn

- Đề tài luận văn đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu do trưởng khoa chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng khoa chuyên môn đồng ý.

- Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa chuyên môn và trưởng đơn vị quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của học viên được người hướng dẫn và trưởng khoa chuyên môn đồng ý. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do Hiệu trưởng quy định.

b) Yêu cầu đối với luận văn

- Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học trình bày kết quả sử dụng mô hình lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để luận giải, làm rõ một vấn đề thực tiễn nhằm mang lại đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc ngành đào tạo.

- Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

- Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả thực hiện của học viên và kết quả chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào khác.

- Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, không tẩy xóa.

c) Các quy định cụ thể khác:

Quy định về cách thức trình bày luận văn, số lượng từ tối thiểu và tối đa; quy định về cam kết của học viên trong đạo đức nghiên cứu; quy định và hướng dẫn việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu đã công bố theo các quy định trích dẫn; quy định về rà soát và chống sao chép bằng phần mềm chuyên dụng; xử lý vi phạm khi tỷ lệ sao chép không trích dẫn đúng quy định; các vấn đề khác liên quan đến luận văn; tiêu chí chấm điểm… thực hiện theo Quy chế đào tạo thạc sĩ của Nhà trường và các quy định nội bộ của Khoa Quản trị kinh doanh.

6. Cách thức đánh giá:

Thang điểm đánh giá thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ. Thang điểm đánh giá các học phần: 10/10.

7. Thời gian đào tạo: 2 năm

8. Văn bằng tốt nghiệp: Thạc sĩ

9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Đảm nhận được trọng trách về quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động trong môi trường kinh doanh ở Việt Nam và Quốc tế.

- Nghiên cứu, hoạch định chính sách và chiến lược kinh doanh ở các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước và tham gia lập dự án, thẩm định các dự án kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

- Nghiên cứu viên hoặc giảng viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường đại học và học viện.

10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ ở trong và ngoài nước về chuyên ngành quản trị kinh doanh.

11. Nội dung chương trình đào tạo

11.1. Nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên môn học	Số TC	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
I		***Khối kiến thức chung***		***4***		
1	0310100409	11100012	Triết học	4		I
II		***Khối kiến thức chuyên ngành***		***14***		

II.1		*Môn bắt buộc*		*8*		
2	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao	2		I
3	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại	2		I
4	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	2		I
5	0310101548	13100004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2		II
II.2		*Môn tự chọn (chọn 3/6 học phần)*		*6*		
6	0310100556	13100005	Kinh tế phát triển	2		I
7	0310101549	13100006	Kinh tế quốc tế			
10	0310101550	11100010	Luật thương mại thương mại quốc tế	2		II
11	0310101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam			
8	0310100576	13100007	Văn hoá doanh nghiệp	2		II
9	0310101552	13100008	Quản trị đa văn hoá			
III		***Khối kiến thức chuyên sâu***		***27***		
III.1		*Môn bắt buộc*		*20*		
12	0310101553	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2		II
13	0310101554	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính	2		II
14	0310101555	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ	2		II
15	0310101556	13100012	Quản trị marketing hiện đại	2		II
16	0310101557	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao	2		III
17	0310100575	13102021	Tái cấu trúc doanh nghiệp	2		III
18	0310101558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2		III
19	0310101559	13102023	Quản lý công	2		III
20	0310101560	13102024	Quản trị chất lượng nâng cao	2		III
21	0310100570	13102025	Quản trị sự thay đổi	2		III
III.2		*Môn tự chọn (chọn 3/6 học phần)*		*7*		
22	0310101561	13102014	Thẩm định dự án đầu tư	2		III
23	0310101562	13102015	Đầu tư quốc tế			
24	0310101563	13102026	Kinh tế lượng	3		IV
25	0310101564	13102027	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh			
26	0310101565	13102028	Quản trị khởi nghiệp	2		III
27	0310100566	13102029	Quản trị rủi ro			
IV		***Thực tập***		***6***		
28	0310101566	13104030	Thực tập (ứng dụng)	6		IV
V		***Báo cáo/dự án tốt nghiệp***		***9***		
29	0310101567	13106031	*Báo cáo/dự án tốt nghiệp*	9	Thực tập (a)	IV
Tổng số tín chỉ				**60**		

11.2. Nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số TC	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))	Học kỳ
I		***Khối kiến thức chung***		***4***		
1	0310100409	11100012	Triết học	4		I
II		***Khối kiến thức chuyên ngành***		***14***		
II.1		*Môn bắt buộc*		*8*		
2	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao	2		I
3	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại	2		I
4	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	2		I
5	0310101548	13100004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2		II
II.2		*Môn tự chọn (chọn 3/6 học phần)*		*6*		
6	0310100556	13100005	Kinh tế phát triển	2		I
7	0310101549	13100006	Kinh tế quốc tế			
8	0310101550	11100010	Luật thương mại thương mại quốc tế	2		II
9	0310101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam			
10	0310100576	13100007	Văn hoá doanh nghiệp	2		II
11	0310101552	13100008	Quản trị đa văn hoá			
III		***Khối kiến thức chuyên sâu***		***12***		
III.1		*Môn bắt buộc*		*10*		
12	0310101553	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2		II
13	0310101554	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính	2		II
14	0310101555	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ	2		II
15	0310101556	13100012	Quản trị marketing hiện đại	2		II
16	0310101557	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao	2		III
III.2		*Môn tự chọn (chọn ½ học phần)*		*2*		
17	0310101561	13102014	Thẩm định dự án đầu tư	2		III
18	0310101562	13102015	Đầu tư quốc tế			
IV		***Thực tập***		***3***		
19	0310101568	13104016	Thực tập (nghiên cứu)	3		III
V		***Báo cáo chuyên đề***		12		

20	0310101569	13107017	Chuyên đề nghiên cứu 1 (Nghiên cứu tổng quan và cơ sở lý luận)	4		III
21	0310101570	13107018	Chuyên đề nghiên cứu 2 (Phương pháp nghiên cứu)	4	Chuyên đề nghiên cứu 1 (a) hoặc (b)	III
22	0310101571	13107019	Chuyên đề nghiên cứu 3 (Nghiên cứu thực trạng)	4	Chuyên đề nghiên cứu 1 và 2 (a)	IV
VI		***Luận văn***		***15***		
23	0310101572	13106020	*Luận văn*	15	Báo cáo chuyên đề (a)	IV
Tổng số tín chỉ				**60**		

12. Kế hoạch đào tạo

12.1. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 12 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1.	0310100409	11100012	Triết học	4	
2.	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao	2	
3.	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại	2	
4.	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	2	
Học phần tự chọn					
1.	0310100556	13100005	Kinh tế phát triển	2	
2.	0310101549	13100006	Kinh tế quốc tế		
Học kỳ 2: 14 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1.	0310101548	13100004	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	
2.	0310101553	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2	
3.	0310101554	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính	2	
4.	0310101555	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ	2	
5.	0310101556	13100012	Quản trị marketing hiện đại	2	
Học phần tự chọn					
1.	0310101550	11100010	Luật thương mại thương mại quốc tế	2	
2.	0310101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam		

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
3.	0310100576	13100007	Văn hoá doanh nghiệp	2	
4.	0310101552	13100008	Quản trị đa văn hoá		
Học kỳ 3: 16 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1.	0310101557	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao	2	
2.	0310100575	13102021	Tái cấu trúc doanh nghiệp	2	
3.	0310101558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2	
4.	0310101559	13102023	Quản lý công	2	
5.	0310101560	13102024	Quản trị chất lượng nâng cao	2	
6.	0310100570	13102025	Quản trị sự thay đổi	2	
Học phần tự chọn					
1.	0310101561	13102014	Thẩm định dự án đầu tư	2	
2.	0310101562	13102015	Đầu tư quốc tế		
3.	0310101565	13102028	Quản trị khởi nghiệp	2	
4.	0310100566	13102029	Quản trị rủi ro		
Học kỳ 4: 18 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1.	0310101566	13104030	Thực tập (ứng dụng)	6	
2.	0310101567	13106031	*Báo cáo/dự án tốt nghiệp*	9	
Học phần tự chọn					
1.	0310101563	13102026	Kinh tế lượng	3	
2.	0310101564	13102027	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh		

12.2. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 12 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1.	0310100409	11100012	Triết học	4	
2.	0310101546	13100001	Kinh tế học nâng cao	2	
3.	0310101547	13100002	Lý thuyết quản trị hiện đại	2	
4.	0310100571	13100003	Khoa học lãnh đạo	2	
Học phần tự chọn					
1.	0310100556	13100005	Kinh tế phát triển	2	
2.	0310101549	13100006	Kinh tế quốc tế		
Học kỳ 2: 14 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1.	0310101548	13100004	Phương pháp nghiên cứu	2	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
			khoa học trong kinh doanh		
2.	0310101553	13100009	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2	
3.	0310101554	13100010	Quản trị và ra quyết định tài chính	2	
4.	0310101555	13100011	Quản trị sản xuất và dịch vụ	2	
5.	0310101556	13100012	Quản trị marketing hiện đại	2	
Học phần tự chọn					
1.	0310101550	11100010	Luật thương mại thương mại quốc tế	2	
2.	0310101551	11100014	Luật kinh doanh Việt Nam		
3.	0310100576	13100007	Văn hoá doanh nghiệp	2	
4.	0310101552	13100008	Quản trị đa văn hoá		
Học kỳ 3: 15 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1.	0310101557	13100013	Quản trị chiến lược nâng cao	2	
2.	0310101568	13104016	Thực tập (nghiên cứu)	3	
3.	0310101569	13107017	Chuyên đề nghiên cứu 1 (Nghiên cứu tổng quan và cơ sở lý luận)	4	
4.	0310101570	13107018	Chuyên đề nghiên cứu 2 (Phương pháp nghiên cứu)	4	
Học phần tự chọn					
1.	0310101561	13102014	Thẩm định dự án đầu tư	2	
2.	0310101562	13102015	Đầu tư quốc tế		
Học kỳ 4: 19 tín chỉ					
Học phần bắt buộc					
1.	0310101571	13107019	Chuyên đề nghiên cứu 3 (Nghiên cứu thực trạng)	4	
2.	0310101572	13106020	*Luận văn*	15	
Học phần tự chọn					

13. Hướng dẫn thực hiện

13.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình;

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy;

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình;

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để

đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn;

- Công bố và chuẩn hóa cách đánh giá từng học phần trong chương trình đào tạo.

13.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp;

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho học viên trước một tuần để học viên chuẩn bị trước khi lên lớp;

- Tổ chức cho học viên các buổi Semina, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn học viên làm tiểu luận, đồ án, khoá luận, thực tập; giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, thực hành nhằm giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn học viên viết bài thu hoạch;

- Giảng viên chú trọng áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy các học phần phụ trách.

14. Phê duyệt chương trình đào tạo

TP. HCM, ngày tháng năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Nguyễn Minh Tuấn

TP. HCM, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG KHOA QTKD

Bùi Hồng Dũng

TP. HCM, ngày tháng năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Xuân Hoàn